

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/DS-PT

Ngày: 30 - 11 - 2023

V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế
theo pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Bà **Ngô Thị Trang**

Bà **Phạm Thị Anh Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đàm Vân Nha** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông **Nguyễn Văn Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thái N**, sinh năm 1966 (chết năm 2021);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N:

+ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1966 (có mặt);

+ Ông **Nguyễn Thái H1**, sinh năm 1986 (có mặt);

+ Ông **Nguyễn Thái H2**, sinh năm 1992 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng H3, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng H4, sinh năm 1997 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Thái L1, sinh năm 1968 (có mặt);

+ Ông Nguyễn Thái L2, sinh năm 1974 (có mặt);

+ Ông Nguyễn Thái H5, sinh năm 1983 (có mặt);

+ Ông Nguyễn Thái L3, sinh năm 1986 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1971 (có mặt);

+ Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1976 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Nguyễn Thái L4, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H đại diện nguyên đơn trình bày:

Cha chồng bà tên Nguyễn Thái A, sinh năm 1943, chết năm 1992; Mẹ chồng tên Võ Thị L5, sinh năm 1944, chết năm 2019. Cha mẹ chồng bà có 09 người con tên: Nguyễn Thái N, sinh năm 1966; Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1979; Nguyễn Thái L4, sinh năm 1967; Nguyễn Thái L1, sinh năm 1968; Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1971; Nguyễn Thái L2, sinh năm 1974; Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1976; Nguyễn Thái H5, sinh năm 1981; Nguyễn Thái L3, sinh năm 1985. Cha, mẹ chồng bà chết không lập di chúc để định đoạt tài sản.

Tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Thái A, bà Võ Thị L5 gồm:

- Thửa đất số 91, tờ bản đồ 6c, diện tích 241m², thuộc xã P chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Trên thửa đất có 01 căn nhà của vợ

chồng ông A, bà L5; 01 căn nhà do vợ chồng bà H xây nối vách nhà của vợ chồng ông A, bà L5. Hiện nay bà đang ở nhà của vợ chồng và nhà từ đường. Thừa đất này khi còn sống, bà L5 đã cho ông N 28m² nhưng chưa làm được giấy chứng nhận do có tranh chấp. Bà L cho rằng bà L5 đã cho bà L diện tích hơn 90m² nhưng việc tặng cho là không có thật.

- Thừa đất số 200, tờ bản đồ 11, diện tích 1.500m² xã P, hiện nay ông H5, bà L, ông L3 đang canh tác, trông coi. Trong sổ mục kê của xã P quy chủ là UBND xã P, nhưng nguồn gốc đất trước đây do ông A (cha chồng bà) và ông N chồng bà khai hoang nhưng không giấy xin khai hoang.

Ông N khởi kiện, quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ông N chết nên bà H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N xác định yêu cầu khởi kiện: Chia di sản thừa kế đối với hai thửa đất nêu trên theo pháp luật. Riêng thửa số 91 thì trừ diện tích 28m² đã được bà L5 tặng cho ông N; Phần diện tích còn lại bao gồm cả diện tích đất bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cùng đưa vào chia thừa kế. Bà H yêu cầu được nhận nhà và đất vì hiện nay không có chỗ ở.

Những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ phía nguyên đơn (ông H1, ông H2, bà H3, bà H4) trình bày: Theo trình bày của bà H, các ông bà có nghe công nhận đúng và yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu của bà H.

Bị đơn bà L trình bày:

Bà L thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn về những người thừa kế của ông Nguyễn Thái A, bà Võ Thị L5, thời điểm ông A, bà L5 chết, cả hai không lập di chúc.

- Thừa đất số 91 tờ bản đồ 6c xã P chưa được cấp GCNQSDĐ, diện tích 241m² trên đất có 01 căn nhà của cha, mẹ để lại. Sau đó, vợ chồng bà H ở trên đất và xây dựng một căn nhà nối vách nhà của vợ chồng ông A, bà L5. Ông Nguyễn Thái H5 cũng xây một căn nhà sát vách nhà của vợ chồng ông A, bà L5, hiện nay ông H5 đang quản lý, trông coi nhà từ đường. Bà L5 cho bà L 01 phần đất diện tích 56m² và bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thừa đất màu diện tích bao nhiêu bà không rõ và đất này lúc cha, mẹ còn sống có chia cho ông H5, ông L2, ông L3 mỗi người 01 lô các ông đang canh tác hiện nay và trong diện tích đất này trước đây cha, mẹ cũng có chia ông N 01 lô đất, ông N đã bán cho vợ chồng ông T1, bà M cùng ở thôn V.

Bà L yêu cầu được sử dụng diện tích 56m² đất mà bà L5 cho đã được cấp GCNQSDĐ, còn lại tài sản khác bà được chia thừa kế và bà đồng ý giao cho ông H5 toàn quyền sử dụng, sở hữu phần thừa kế của bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H5 trình bày:

Cha ông tên Nguyễn Thái A, sinh năm: 1943, chết năm 1992, mẹ tên Võ Thị L5, sinh năm: 1946, chết năm 2019; Cha mẹ có 9 người con, khi chết không để lại di chúc.

Về tài sản của cha mẹ để lại có 01 thửa đất theo thông tin xã cung cấp theo bản đồ 299 thuộc tờ bản đồ 03, thửa đất 330, diện tích 392m², theo bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ 10, thửa đất 254, diện tích 365m², mẹ ông giao cho bà H giữ canh tác nhưng bà H tự ý sang nhượng cho ai thì anh, em ông không biết. Hiện nay (sổ đỏ) GCNQSDĐ anh, em ông đang giữ; Khi Tòa đi đo đạc xác định đất là di sản thừa kế của cha - mẹ ông để lại thì anh, em ông tìm được sổ đỏ và cung cấp bổ sung; Nay anh, em ông yêu cầu Tòa án xác định thửa đất này là di sản thừa kế để chia cho anh em ông và ông sử dụng.

Qua giải quyết Tòa án thu thập thông tin thì thửa đất trên ông N, bà H tự lấy đem bán cho một người khác đó là bà Lê Thị Đ, hiện đang ở V, xã P và bà Đ đã làm GCNQSDĐ (sổ đỏ) đứng tên bà Đ. Qua giải thích của Tòa án, ông H5 xin rút một phần yêu về việc yêu cầu chia diện tích 392m², thuộc thửa đất 330, tờ bản đồ số 03, theo bản đồ 299 xã P đứng tên Võ Thị L5 để ông yêu cầu giải quyết riêng 01 vụ kiện khác khi nào đất được đứng tên mẹ ông Võ Thị L5.

Ông L4 trình bày: Cha ông tên Nguyễn Thái A, sinh năm: 1943, chết năm 1992, mẹ tên Võ Thị L5, sinh năm: 1946, chết năm 2019; Cha mẹ ông có 9 người con, cha, mẹ chết không có làm di chúc. Khi còn sống cha, mẹ ông có tạo lập một thửa đất có diện tích 241m², thuộc thửa đất 91, tờ bản đồ số 6c xã P chưa được cấp GCNQSDĐ; Một thửa đất kinh tế phụ có diện tích 392m² do mẹ ông đứng tên trong GCNQSDĐ, nhưng ông N tự ý sang nhượng cho người khác (sang nhượng bằng giấy viết tay), sang nhượng cho ai thì vợ chồng ông N biết chứ ông không biết và diện tích đất này hiện nay trong giấy chứng nhận vẫn đứng tên mẹ ông là bà L5 chứ chưa chuyển quyền cho ai.

Trên thửa đất có 01 căn nhà của cha, mẹ để lại và lúc cha, mẹ còn sống có cho vợ chồng ông N, bà H 01 diện tích đất có chiều rộng khoảng 2m, chiều dài bao nhiêu thì ông không biết, khi đó ông N xây nhà không tách vách ra riêng biệt, ông N xây nhà có 01 vách dính liền vào nhà từ đường của cha, mẹ. Hiện nay căn nhà từ đường ông Nguyễn Thái H5 đang quản lý, trông coi, ông H5 ở trong căn nhà này từ lúc cha, mẹ còn sống và ông H5 hiện nay chưa có lập gia đình, chưa có nhà

riêng. Còn một thửa đất màu có diện tích bao nhiêu ông không rõ và đất này lúc cha, mẹ còn sống có chia cho ông H5, ông L2, ông L3 mỗi người 01 lô, hiện nay các ông đang canh tác và trong diện tích đất này trước đây cha, mẹ cũng có chia ông N 01 lô đất ông N đã bán cho vợ chồng ông T1, bà M cùng ở thôn V.

Lúc cha ông chết, mẹ ông còn sống có cho bà L 01 lô đất có diện tích 56m² trong khuôn viên nhà từ đường, khi mẹ ông cho có đưa bà L đến UBND xã P làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất từ mẹ ông. Ông không yêu cầu chia diện tích đất mà mẹ ông cho bà L vì bà L đã làm thủ tục chuyển quyền tặng cho từ mẹ ông; Còn diện tích đất ông H5, ông L2, ông L3 đang canh tác hiện nay là do cha ông và các ông H5, ông L2, ông L3 tự khai phá đất hoang và các ông này đang canh tác và diện tích đất này trong sổ địa chính của xã cũng chưa quy chủ cho ai, nay những người liên quan trong vụ kiện yêu cầu xác định các thửa đất ông H5, ông L2, ông L3 đang làm là di sản cha, mẹ để lại yêu cầu chia là không đúng, ông không đồng ý chia đất ông H5, ông L2, ông L3 đang canh tác (đất ông H5, ông L2, ông L3 diện tích bao nhiêu thì ông không xác định được vì không có đo).

Nay ông L4 yêu cầu tòa án giải quyết như sau: Yêu cầu chia diện tích đất kinh tế phụ 392m² do ông N tự ý sang nhượng cho người khác khi mẹ ông còn sống và yêu cầu chia di sản là căn nhà gắn với đất thổ cư. Tuy nhiên, căn nhà hiện nay ông H5 đang ở ngôi nhà chính, ông N có xây một ngôi nhà nhỏ gắn liền ngôi nhà chính của cha, mẹ để lại và hiện nay ông N đang ở căn nhà nhỏ và các anh, em ông L4, L1, H5, L2, L3 yêu cầu chia căn nhà chính cho ông H5 sở hữu để thờ cúng cha, mẹ. Nếu Tòa án giải quyết chia di sản của cha, mẹ để lại đối với căn nhà chính gắn liền với đất thì phần của 5 anh, em ông đồng ý cho phần của các ông cho ông H5, các ông không nhận phần chia di sản của căn nhà gắn liền đất, còn những người khác yêu cầu chia thì Tòa án giải quyết chia phần cho những người còn lại.

Ý kiến của các ông Nguyễn Thái L1, Nguyễn Thái L2, Nguyễn Thái L3, Nguyễn Thái H5:

Các ông có nghe và chứng kiến lời trình bày của ông L4 và đồng ý với ý kiến và yêu cầu của ông L4.

Bà Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

Theo lời khai của các ông L4, L1, L2, L3, H5, Tòa án có đọc lại cho 2 chị em bà nghe, các chị em bà công nhận lời trình bày các anh, em của bà khai là đúng và có những yêu cầu giống như yêu cầu của 02 chị em bà. Nay 2 chị em bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo như ý kiến, yêu cầu của các anh, em của bà.

Tại phiên tòa ông L2, ông L3, ông L1, ông H5, ông L4, bà L, bà C, bà T đồng ý cho phân chia thừa kế của mình cho ông H5 được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản được chia và đồng ý rút một phần về việc yêu cầu chia diện tích 392m², thuộc thửa 330, tờ bản đồ số 03, theo bản đồ 299 xã P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ:

Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 656, Điều 657, Điều 660, điểm c Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thái N về yêu cầu chia 1.500m² đất vì diện tích đất này chưa quy chủ cho ông Nguyễn Thái A, bà Võ Thị L5 nên không phải di sản thừa kế nên Tòa án không xem xét chia thừa kế.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và các người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Thái N về yêu cầu chia 54m² đất đứng tên bà Nguyễn Thị Hồng L, vì diện tích đất này bà L5 đã cho bà L và bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không còn là di sản của ông A, bà L5 nên Tòa án không xem xét chia thừa kế

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền của Nguyên đơn Nguyễn Thái N.

Chia cho bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thái H1, Nguyễn Thái H2, Nguyễn Thị Hồng H3, Nguyễn Thị Hồng H4 là những người kế thừa quyền của ông Nguyễn Thái N được quyền sử dụng 24.2m² đất thuộc thửa 91a, tờ bản đồ 6c, xã P và được sở hữu căn nhà do ông N, bà H xây dựng có diện tích 17.64m² gắn liền mái che, tường rào trị giá 26.620.914 đồng.

Chia cho ông Nguyễn Thái H5 được quyền sử dụng đất thuộc thửa 91, tờ bản đồ 6c, xã P, được sở hữu căn nhà thừa kế do ông A, bà L5 xây dựng có diện tích 167.2m² và bếp, sân, giếng trị giá 84.834.020 đồng.

Hộ bà Nguyễn Thị H và hộ ông Nguyễn Thái H5 đang sử dụng vách chung phía sau nhà của 2 hộ (sau này bên nào tháo dỡ trước để xây dựng mới phải giữ lại nguyên trạng vách cho hộ đang sử dụng).

Buộc bà H, ông H1, ông H2, bà H3, bà H4 là người kế thừa quyền của ông N1 phải liên đới hoàn trả cho ông H5 540.000 đồng trị giá 3m² đất từ phần nhận giá trị tài sản nhiều hơn của xuất nhận thừa kế.

Buộc ông Nguyễn Thái H5 hoàn trả số tiền 9.426.000 đồng cho bà H, ông H1, ông H2, bà H3, bà H4 là những người kế thừa quyền của ông Nguyễn Thái N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc Hồi bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước theo hướng xem xét công lao của vợ chồng nguyên đơn trong việc quản lý, duy tu căn nhà thờ trên thửa đất số 91, chia phần diện tích đất của bà L và diện tích đất 1.500m² là di sản của ông A và bà L5 để lại.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Kháng cáo của bà Nguyễn Thị H trong thời hạn nên được xem xét, giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng xem xét công quản lý di sản; Chia phần diện tích đất bà Nguyễn Thị Hồng L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật; Chia diện tích đất 1.500m² là tài sản của vợ chồng ông A, bà L5 để lại.

Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ vì:

+ Vợ chồng bà H đã sử dụng đất, xây dựng nhà ở trên đất hơn 20 năm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tính công sức cho vợ chồng bà H, ông N là thiếu sót. Bà H có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế đối với diện tích đất bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, không giải quyết yêu cầu này là bỏ sót quan hệ pháp luật tranh chấp. Bà H yêu cầu chia di sản là thửa đất số 200 diện tích 1.500m²

nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất không thuộc di sản là chưa có căn cứ vì từ trước cho đến hiện nay, những người thừa kế của ông A, bà L5 vẫn đang canh tác. Tòa án cấp sơ thẩm đưa giá trị sân nhà, nhà bếp, căn nhà của ông H5 vào chia thừa kế là sai.

+ Từ những sai sót nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thụ lý, giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng

[1.1] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thái H5 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đưa tài sản riêng của ông H5 vào chia thừa kế đã xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi của ông H5. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án.

[1.2] Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt được Tòa án chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H

[2.1] Biên bản ghi lời khai của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bà Nguyễn Thị H (Một trong những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thái N) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm (Các bút lục số 70, 142), bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của vợ chồng ông Nguyễn Thái A, bà Võ Thị L5 là thửa đất số 91 diện tích 241m² (Thửa đất số 91) bao gồm cả phần diện tích đất 54m² bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 (Bút lục số 22), ông Nguyễn Thái N (Chồng bà Nguyễn Thị H) khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng L, yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 91 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Nguyễn Thị Hồng L đã được UBND huyện N cấp. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, không thu thập chứng cứ để giải quyết yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Không đưa Ủy ban nhân dân huyện N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu) nên đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, lập luận bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên diện tích 54m² đất không còn là di sản. Việc đánh giá chứng cứ, lập luận nêu trên là không có cơ sở pháp lý vì thời điểm tặng cho đất, ông Nguyễn Thái A (Chồng bà L5 đã chết); Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ hợp đồng tặng cho có thật hay không; Nội dung và hình

thức của hợp đồng có hợp pháp hay không để xem xét công nhận hay không công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, trong khi đó bà L có yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất đã được bà L5 tặng, cho. Với phạm vi khởi kiện của nguyên đơn thì phải xem xét về thẩm quyền giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự cũng như Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2.2] Ranh giới của thửa đất số 91 có sự biến động (Thửa đất số 91 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định phần diện tích biến động hướng Bắc do lấn đường; Hướng nam lấn chiếm 25m² thuộc thửa đất số 93 của chủ sử dụng khác đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng; Hướng Tây lấn chiếm đất lề đường sẽ được tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thiếu cơ sở pháp lý vì Tòa án phải xác định diện tích đất hợp pháp của thửa đất số 91 là bao nhiêu mét vuông mới giải quyết được yêu cầu khởi kiện để chia di sản chính xác, đầy đủ. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định đất nên đánh giá chứng cứ về ranh giới, mốc giới, diện tích của thửa đất số 91 là phiến diện, không có căn cứ dẫn đến đưa tài sản là căn nhà diện tích 4m x 8m; Bếp tạm; Nhà vệ sinh; Sân xi măng đều là tài sản riêng của ông Nguyễn Thái H5 để chia di sản thừa kế đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thái H5.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ thời điểm vợ chồng ông Nguyễn Thái N, bà Nguyễn Thị H cũng như cá nhân ông Nguyễn Thái H5 sử dụng thửa đất số 91, xây dựng nhà trên thửa đất số 91 để xem xét công sức (nếu có) cho các đương sự theo Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[2.4] Nguyên đơn còn yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 200, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.500m² (Bút lục số 72). Các đương sự thừa nhận đây cũng là tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Thái A, bà Võ Thị L5 chưa định đoạt trước khi chết. Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng vợ chồng ông A, bà L5 canh tác khi còn sống và hiện nay các ông Nguyễn Thái H5, Nguyễn Thái L3, Nguyễn Thái L2 đang canh tác. Tòa án cấp sơ thẩm xác minh tại UBND xã P được cán bộ địa chính cung cấp thông tin thửa đất số 200 được quy chủ cho UBND xã P nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh trong khi vợ chồng ông A, bà L5 canh tác khi còn sống và hiện nay những người thừa kế của họ đang tiếp tục canh tác. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ

quyền sử dụng đất này được quy chủ cho UBND xã P căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nào; Chưa làm rõ vì sao quy chủ cho UBND xã nhưng bà L5 cũng như các con là H5, L3, L2 đang canh tác trên đất. Biên bản xác minh (bút lục số 89) không có chữ ký xác nhận cũng như đóng dấu của người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã P nên chưa đảm bảo về hình thức cũng như nội dung do cán bộ địa chính xã cung cấp thông tin về việc quy chủ nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thửa đất số 200 không phải là di sản là chưa có cơ sở vững chắc.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ dựa trên kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng cũng như thu thập, đánh giá chứng cứ xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được nên kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ. Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đánh giá, lập luận đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung dựa trên các nhận định, viện dẫn tại các mục [2.1], [2.2], [2.3], [2.4] của bản án phúc thẩm.

[4] Chi phí tố tụng cũng như án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục tố tụng sơ thẩm. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 308 khoản 3 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 06-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N thụ lý, giải quyết lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể cả phần án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng.

2. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được hoàn trả 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008360 ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/11/2023./.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự (13);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên